TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G **THANH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2023/DSST
Ngày 05 - 4 - 2023
V/v: Tranh chấp
Hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Mai Lan

Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Vy - Thư ký Toà án nhân dân quận G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2022, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐXXST-DS ngày 14/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2023/QĐST-DS ngày 15/03/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần X; (được gọi là Ngân hàng Y); trụ sở chính: Số 54A đường N C T, A, quận C, Thành phố Z; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn H L.

Chi nhánh thực hiện ủy quyền khởi kiện: Ngân hàng thương mại cổ phần X - Chi nhánh T B; địa chỉ: Số 180-192 đường N C T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn V P; bà Lâm T T V; ông Nguyễn H H(văn bản ủy quyền số 9205/2022/GUQ ngày 22/11/2022).

Bị đơn: Ông Trần Đ B và bà Phạm T K T; cùng cư trú: Số 748/50/4A đường T N, Phường D, quận G, Tp. Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/4/2022, Ngân hàng thương mại cổ phần X trình bày:

Ngày 24/12/2019, tại Ngân hàng Y chi nhánh E- Phòng giao dịch Bàn Cờ. Ông Trần Đ B và bà Phạm T K T ký văn bản đồng thuận về việc vay vốn và cùng trả nợ, vì vậy ông Trần Đ B ký trực tiếp 03 hợp đồng vay tín dụng như sau:

Hợp đồng cho vay số 0213/2019/HĐCV ngày 24/12/2019 số tiền vay là 1.800.000.000 đồng, mục đích vay mua bất động sản thửa đất số 91, tờ bản đồ số 18 địa chỉ 748/50/4A đường T N, Phường D, quận G; thời hạn vay là 240 tháng; lãi suất cho vay 9,99%/năm; lãi suất điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần vào ngày 6 và được tính bằng lãi xuất vay - lãi suất tham chiếu + biên độ lãi xuất 3,5%/năm; phương thức trả nợ gốc phân kỳ của mỗi tháng, lãi phân kỳ theo gốc, theo dư nợ giảm dần.

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 28.10/2020/HĐTC ngày 28/10/2020; hạn mức vay số tiền là 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng; lãi trong hạn là 14%; lãi quá hạn là 150% lãi xuất trong hạn. Đối với khoản lãi tính trên nợ gốc mà đến hạn chưa trả, còn phải chịu mức lãi suất chậm trả bằng 10% 1năm, tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Hợp đồng thấu chi số 30.09/2020/HĐTC ngày 30/9/2020, hạn mức vay là 50.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng; lãi trong hạn là 13,1%/năm; lãi quá hạn là 150% lãi xuất trong hạn. Đối với khoản lãi tính trên nợ gốc mà đến hạn chưa trả, còn phải chịu mức lãi suất chậm trả bằng 10% 1năm; tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Trong quá trình thực hiện các hợp đồng nêu trên, ông Trần Đ B và bà Phạm T K T vi phạm nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi đã cam kết thỏa thuận tại hợp đồng cho vay; hợp đồng thấu chi. Tạm tính đến ngày 27/3/2022 ông Trần Đ B và bà Phạm T K T còn nợ Ngân hàng Y với số tiền là 2.098.411.254 đồng.

Trong quá trình khởi kiện, ông Trần Đ B và bà Phạm T K T không có thiện chí thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh đến ngày 9/11/2022 các hợp đồng như sau:

Hợp đồng cho vay số 0213/2019/HĐCV ngày 24/12/2019, nợ gốc và nợ lãi là 2.003.104.982 đồng (trong đó nợ gốc là 1.664.970.344 đồng, lãi trong hạn là 138.119.241 đồng, nợ lãi quá hạn là 200.015.396 đồng).

Hợp đồng tín dụng số 28.10/2020HĐTC ngày 28/10/2020; nợ gốc và lãi là 333.785.215 đồng (trong đó nợ gốc là 199.999.349 đồng, nợ lãi quá hạn là 133.785.866 đồng).

Hợp đồng thấu chi số 30.09/2020/HĐTC ngày 30/9/2020, nợ gốc và lãi là 83.446.485 đồng (trong đó nợ gốc là 49.999.946 đồng, nợ lãi quá hạn là 33.446.539 đồng).

Nay quan điểm của nguyên đơn: Yêu cầu ông Trần Đ B và bà Phạm T K T có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi tính đến ngày 05/4/2023 là 2.578.208.350 đồng. Yêu cầu ông Trần Đ B và bà Phạm T K T còn trả lãi phát sinh từ ngày 06/4/2023 trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận của 03 hợp đồng vay tại Ngân hàng TMCP X cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Trường hợp ông Trần Đ B và bà Phạm T K T không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP X, yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 000630/2020/BĐ ngày 17/01/2020 để thu hồi nợ vay, nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Ngân hàng Y thì ông Trần Đ B và bà Phạm T K T vẫn có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ còn lại cho Ngân hàng Y.

Đối với bị đơn là ông Trần Đ B và bà Phạm T K T: Tòa án đã thực hiện việc tống đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo phiên họp, cung cấp chứng cứ, chứng minh, đối chất và hòa giải tại nơi cư trú nhưng bị đơn không đến Tòa theo giấy triệu tập, không cung cấp chứng cứ, chứng minh hoặc phản hồi ý kiến theo đề nghị của nguyên đơn. Nên Tòa án quận G không thu thập được lời khai, chứng cứ từ ông Trần Đ B và bà Phạm T K T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Về giải quyết và xét xử vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của pháp luật về tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.
Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét từ khi thụ lý vụ án đến đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn khởi kiện từ hợp đồng tín dụng, nên đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" được qui định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Theo Hợp đồng tín dụng số 0213/2019/HĐCV, Hợp đồng tín dụng số 28.10/2020HĐTC và Hợp đồng thấu chi số 30.09/2020/HĐTC, giữa nguyên đơn, bị đơn ký kết. Bị đơn là ông Trần Đ B và bà Phạm T K T cùng cư trú tại địa chỉ số 748/50/4A đường T N, Phường D, quận G. Nhưng quá trình giải quyết bị đơn có mặt tại địa phương nhưng bị đơn vắng mặt toàn bộ trong quá trình giải quyết vụ án và không thực hiện các yêu cầu của Tòa án về việc cung cấp các tài liệu, chứng cứ, liên quan đến yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy bị đơn đã từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền lợi của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó Tòa án vẫn tiến hành theo thủ tục chung. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân quận G vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu đương sự:

[3.1] Về hợp đồng tín dụng: Theo các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp và thu thập trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện: Ngân hàng Y ký hợp đồng cho ông Trần Đ B và bà Phạm T K T vay tín dụng 03 hợp đồng gồm:

Hợp đồng số 0213/2019/HĐCV ngày 24/12/2019 số tiền vay: 1.800.000.000đ, lãi suất là 9,99/năm (từ ngày giải ngân đến ngày 24/6/2021), từ ngày 25/6/2021 lãi suất điều chỉnh định kỳ 3 tháng/1 lần vào ngày 06 và được tính bằng lãi xuất vay = lãi suất tham chiếu + biên độ lãi xuất 3,5%/năm; phương thức trả nợ gốc phân kỳ của mỗi tháng, lãi phân kỳ theo gốc, theo dư nợ giảm dần. Thời hạn vay 240 tháng, mục đích vay mua bất động sản.

Hợp đồng tín dụng số 28.10/2020HĐTC ngày 28/10/2020 số tiền vay: 200.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 14%; lãi quá hạn là 150% lãi xuất trong hạn. Đối với khoản lãi tính trên nợ gốc mà đến hạn chưa trả, còn phải chịu mức lãi suất chậm trả bằng 10% 1năm, tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay là 12 tháng.

Hợp đồng thấu chi số 30.09/2020/HĐTC ngày 30/9/2020 số tiền vay là: 50.000.000 đồng, lãi suất thấu chi trong hạn là 13,1%/năm; lãi quá hạn là 150% lãi xuất trong hạn. Đối với khoản lãi tính trên nợ gốc mà đến hạn chưa trả, còn phải chịu mức lãi suất chậm trả bằng 10%/ 1năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 12 tháng.

Hợp đồng này khi ký kết các bên đều đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật dân sự và không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên các bên có quyền, nghĩa vụ phải thực hiện.

Khoản vay theo các hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 05/4/2023. Bị đơn còn nợ nguyên các hợp đồng số 0213/2019/HĐCV ngày 24/12/2019, gồm nợ gốc và lãi là **2.128.976.740đ (1),** trong đó (nợ gốc: 1.664.970.344 đồng; nợ lãi trong hạn: 138.119.241 đồng, lãi quá hạn là: 325.887.154 đồng).

Hợp đồng số 28.10/2020HĐTC ngày 28/10/2020, bị đơn nợ gốc và lãi là **359.385.132đ (2),** trong đó (nợ gốc: 199.999.349 đồng; lãi qua hạn: 159.385.783 đồng).

Hợp đồng số 30.09/2020/HĐTC ngày 30/9/2020 bị đơn nợ gốc, nợ lãi là **89.846.478đ (3),** trong đó (nợ gốc: 49.999.946 đồng; lãi quá hạn: 39.846.532 đồng).

(có bảng kê tính lãi kèm theo hồ sơ). Việc tính lãi trong hạn và quá hạn của nguyên đơn không vi phạm quy định pháp luật về tính lãi nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để tính lại.

Như vậy, cần buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả nguyên đơn tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 05/4/2023, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền tổng cộng (1) +(2) + (3) là **2.578.208.350 đồng**. Kể từ ngày 06/4/2023, bị đơn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên dư nợ gốc của hợp đồng tín dụng; hợp đồng thấu chi cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng trên dư nợ gốc thực tế.

[3.2] Về tài sản bảo đảm: Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi khoản nợ của nguyên đơn nhận thấy: Để đảm bảo cho khoản vay tín dụng tại Ngân hàng Y. Ông Trần Đ B và bà Phạm T K T ký văn bản đồng thuận về việc vay vốn và cùng trả nợ tại ngân hàng TMCP X. Ông B, Bà T thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 91, tờ bản đồ số 18, địa chỉ 748/50/4A đường T N, Phường D, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản đảm bảo cho khoản vay trên, được công chứng ngày 17/01/2020 tại Văn phòng công chứng Bùi N L, số công chứng 000630, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD và đã được đăng ký tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận G ngày 18/01/2020. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Ngân hàng Y thì ông Trần Đ B và bà Phạm T K T vẫn có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ còn lại cho Ngân hàng Y.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án thể hiện nhà, đất này hiện ông Trần Đ B và bà Phạm T K T đang sinh sống tại đó. Trên đất có 01 nhà ở riêng, lẻ, cấp 3, kết cấu nhà ở và công trình xây dựng phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất do Ủy ban nhân dân quận G cấp GCN:CH 03717 ngày 30/9/2016, cập nhật thay đổi chủ sử dụng ngày 15/01/2020 cho ông Trần Đ B và bà Phạm T K T là chủ sở hữu và sử dụng. Tại Điều 1 Hợp đồng thế chấp thể hiện tài sản bên thế chấp đồng ý thế chấp quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở gắn liền với tài sản đã thế chấp đều thuộc tài sản thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng Y. Như vậy, các bên đã thế chấp toàn bộ tài sản gắn liền với đất mang tên bị đơn đều thuộc tài sản thế chấp.

Xét thấy: Các chủ thể ký kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, điều khoản của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái pháp luật, tài sản thế chấp được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. hợp đồng thế chấp phù hợp pháp luật về cả hình thức và nội dung. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng Y về việc trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là có căn cứ, được chấp nhận.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp và có cơ sở.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung vào ngân sách Nhà nước. Hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo*:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Điều 26, khoản 1 Điều 39, Điều 157, 158, Điều 271, 273, 277 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều: 117, 119, 327, 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163 ngày 29/12/2006.

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X đối với ông Trần Đ B và bà Phạm T K T về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, xử lý tài sản bảo đảm.

2. Buộc ông Trần Đ B và bà Phạm T K T phải có nghĩa vụ thanh toán trả Ngân hàng TMCP X các khoản tiền còn nợ gốc và lãi tính đến đến ngày 05/4/2023 gồm (1) +(2) + (3) số tiền là **2.578.208.350 đồng.**

3. Kể từ ngày 06/4/2023, ông Trần Đ B và bà Phạm T K T phải có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP X cho đến khi trả hết nợ trên dư nợ gốc thực tế theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 0213/2019/HĐCV ngày 24/12/2019; hợp đồng thấu chi số 28.10/2020HĐTC ngày 28/10/2020 và hợp đồng thấu chi số 30.09/2020/HĐTC ngày 30/9/2020.

4. Về tài sản bảo đảm: Trường hợp ông Trần Đ B và bà Phạm T K T không thanh toán được khoản nợ nêu trên, thì Ngân hàng TMCP X có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với thửa đất số 91, tờ bản đồ số 18 địa chỉ 748/50/4A đường T N, Phường D, quận G, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân quận G cấp GCN: CH 03717 ngày 30/9/2016, cập nhật thay đổi chủ sử dụng ngày 15/01/2020 do ông Trần Đ B và bà Phạm T K T đứng tên. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Ngân hàng Y thì ông Trần Đ B và bà Phạm T K T vẫn có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ còn lại cho Ngân hàng Y.

Về chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chổ đối với tài sản thế chấp tại Ngân hàng TMCP X. Ông Trần Đ B và bà Phạm T K T phải chịu, hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP X số tiền tạm ứng chí phí tố tụng là 12.000.000 đồng.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Đ B và bà Phạm T K T phải chịu toàn bộ tiền án phí là 83.564.167 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngân hàng TMCP X được nhận lại 36.984.112 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0048670 ngày 22/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.GV;
- THA DS QGV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

Lê Thị Thùy Trang